

Số: 2025/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt Đề án tinh giản biên chế năm 2022**  
**của UBND huyện Mộ Đức**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư Liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của liên Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức tại Tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 30/9/2021 và đề xuất của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 2835/SNV-TCBC ngày 10/12/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án tinh giản biên chế năm 2022 của UBND huyện Mộ Đức.

**Điều 2.** Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả và tập hợp hồ sơ, lập danh sách dự toán kinh phí chi trả cho đối tượng được tinh giản biên chế theo đúng quy định, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt kinh phí chi trả cho các đối tượng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- VPUB: CBTH;
- Lưu: VT, NCvi998.



**Đặng Văn Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## ĐỀ ÁN

Thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2022  
của Ủy ban nhân dân huyện Mộ Đức  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/25/QĐ-UBND  
ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

### Phần I

## ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH, MỤC ĐÍCH YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ

### I. Đặc điểm tình hình

Mộ Đức là huyện đồng bằng có diện tích tự nhiên 213,81 km<sup>2</sup>, dân số toàn huyện là 127.500 người.

Thực hiện Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tổ chức bộ máy của UBND huyện và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính Phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính Phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bao gồm:

#### 1. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

- Phòng Tư pháp huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện;
- Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện;
- Phòng Văn hoá và Thông tin huyện;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện;
- Phòng Y tế huyện;
- Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện.

#### 2. Khối sự nghiệp

- Sự nghiệp giáo dục: Có 43 đơn vị (trong đó 42 đơn vị trường học, gồm: 01 trường phổ thông cơ sở, 12 trường Trung học cơ sở, 16 trường Tiểu học, 13 trường Mầm non); 01 Trung tâm GDNN-GDTX huyện;

- Sự nghiệp Văn hóa: Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao;
- Sự nghiệp khác: Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp.

\* Đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên: Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng.

3. Đơn vị hành chính cấp xã: Có 12 xã và 01 thị trấn.

## **II. Mục đích, yêu cầu và nguyên tắc tinh giản biên chế**

### **1. Mục đích và yêu cầu**

a) Thực hiện mục tiêu từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực để nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý, điều hành của chính quyền cấp huyện đến cấp xã.

b) Thực hiện chính sách tinh giản biên chế trên cơ sở rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đánh giá, phân loại công chức, viên chức gắn với việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong cơ quan, đơn vị để đảm bảo yêu cầu về năng lực chuyên môn và trong công tác quản lý, điều hành theo công việc được giao.

### **2. Nguyên tắc tinh giản biên chế**

a) Đảm bảo tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật;

b) Phải đảm bảo chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế kịp thời, đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật;

c) Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong cơ quan mình quản lý theo thẩm quyền.

## **Phần II**

### **CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ và Nghị định số

143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

- Thông tư Liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

- Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ, Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII;

- Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ, Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

- Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch tinh giản biên chế khối Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2018-2021;

- Công văn số 4126/BNV-TCBC ngày 24/8/2021 của Bộ Nội vụ về việc xác định độ tuổi hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ.

### **Phần III**

## **TINH GIẢN BIÊN CHẾ VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BIÊN CHẾ**

### **I. Thực trạng biên chế, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của công chức, viên chức hiện nay**

#### **1. Khối hành chính**

a) *Về biên chế*: Tổng số biên chế được giao là 59, đến nay đã thực hiện 52 biên chế, cụ thể:

- Lãnh đạo HĐND&UBND huyện: 07 biên chế;
- Phòng Tư pháp huyện: 02 biên chế;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện: 08 biên chế;
- Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện: 08 biên chế;
- Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện: 07 biên chế;
- Phòng Văn hoá và Thông tin huyện: 02 biên chế;

- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện: 06 biên chế;
- Phòng Y tế huyện: 01 biên chế;
- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện: 06 biên chế;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện: 05 biên chế.

b) Về trình độ chuyên môn được đào tạo:

- Thạc sĩ : 10 người, tỷ lệ 19,23%
- Đại học: 40 người, tỷ lệ 76,92%
- Cao đẳng: 02 người, tỷ lệ 3,85%

## 2. Khối sự nghiệp

a) Về biên chế: Tổng biên chế sự nghiệp được giao 1.509 biên chế, đến nay đã thực hiện 1.324 biên chế, trong đó:

\* Sự nghiệp giáo dục: Được giao 1.468 biên chế, đã thực hiện 1.288 biên chế, cụ thể:

- Sự nghiệp Mầm non: 310 biên chế;
- Sự nghiệp Tiểu học: 475 biên chế;
- Sự nghiệp Trung học cơ sở: 503 biên chế;

\* Trung tâm GDNN-GDTX huyện: Được giao 11 biên chế, đã thực hiện 10 biên chế.

\* Sự nghiệp tại các cơ quan: Được giao 30 biên chế, đã thực hiện 26 biên chế, trong đó:

- Sự nghiệp Văn hóa: 11 biên chế (*Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao*).

- Sự nghiệp khác: 15 biên chế (*Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp*).

b) Về trình độ chuyên môn: Tổng số viên chức hiện có là 1.324 người, trong đó:

- Thạc sỹ: 08 người, tỷ lệ 0,60%;
- Đại học: 863 người, tỷ lệ 65,18 %;
- Cao đẳng: 328 người, tỷ lệ 24,77 % ;
- Trung cấp: 125 người, tỷ lệ 9,44 %.

## II. Xác định đối tượng tinh giản biên chế

1. Những người thuộc diện dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn nghiệp vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, không còn phù hợp với vị trí việc làm mới.

2. Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác.

3. Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

4. Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên không hoàn thành nhiệm vụ được giao, nhưng không thể bố trí việc làm khác hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

5. Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

6. Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

## III. Kế hoạch tinh giản biên chế

Căn cứ vào thực trạng và rà soát về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế công chức, số lượng người làm việc, cơ cấu, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của UBND huyện Mộ Đức, xác định kế hoạch thực hiện việc tinh giản biên chế như sau:

Trong năm 2022, có 11 viên chức (*số lượng người làm việc*) thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 113/NĐ/2018/NĐ-CP*

ngày 31/8/2018 và Nghị định 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ).

(Có Danh sách kèm theo)

#### **IV. Quản lý và sử dụng biên chế đã thực hiện tinh giản**

UBND huyện Mộ Đức được sử dụng tối đa 50% số biên chế đã thực hiện tinh giản theo Đề án này để tuyển dụng, tiếp nhận mới công chức, số lượng người làm việc theo quy định.

#### **Phần IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả; tiến hành lập hồ sơ, danh sách và dự toán số tiền trợ cấp cụ thể cho đối tượng tinh giản biên chế theo quy định, gửi Sở Nội vụ thẩm định đối tượng và Sở Tài chính thẩm định kinh phí trình UBND tỉnh phê duyệt, chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng chính sách tinh giản biên chế theo quy định.

2. Định kỳ vào ngày 15/12 hàng năm, UBND huyện Mộ Đức có trách nhiệm tổng hợp kết quả, đánh giá tình hình thực hiện tinh giản biên chế của địa phương, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

---



DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ NĂM 2022 CỦA UBND HUYỆN MỘ ĐỨC

(Kèm theo Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 12/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn và chuyên ngành được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhận	Số năm đóng BHXH	Tuổi khi giải quyết tình giản biên chế	Thời điểm tình giản biên chế	Lý do tình giản biên chế	
I	<b>KHỎI SỰ NGHIỆP</b>	1	2	3	4	5	6	7	8
*	<b>Nghỉ hưu trước tuổi</b>								
	<i>Trường Năm non Đức Lân</i>								
	<i>Trường Tiểu học Đức Phong</i>								
1	Lê Thị Hà	15/7/1971	Trung cấp Mầm Non	Giáo viên	27 năm 3 tháng	50 tuổi 8 tháng	01/4/2022	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm ( <i>Điều 72 của Luật giáo dục số 43/2019/QH14</i> ) nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ và cá nhân tự nguyện thực hiện tình giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
2	Nguyễn Thị Miên	02/02/1969	Dại học	Giáo viên	32 năm 6 tháng	53 năm 3 tháng	01/6/2022	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tình giản biên chế, viên chức có 01 năm (NH 2019-2020) được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm (NH 2020-2021) không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tình giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
	<i>Trường Tiểu học năng An</i>								



	1	2	3	4	5	6	7	8
3	Nguyễn Thị Thu Thủy	24/6/1968	Cao đẳng sư phạm	Giáo viên	32 năm 4 tháng	53 tuổi 7 tháng	01/02/2022	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm ( <i>Điều 72 của Luật giáo dục số 43/2019/QH14</i> ) nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ và cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
*	<b>Thời việc ngay</b>							
	<i>Trường Tiểu học Đức Lợi</i>							
4	Đặng Thị Huyền	09/2/1992	Trung cấp Thư viện	Thư viện	6 năm 4 tháng	29 tuổi 11 tháng	01/01/2022	Năm học 2020-2021 xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý
	<i>Trường THCS Đức Lân</i>							
5	Trần Thị Kim Phượng	12/12/1968	Đại học sư phạm	Giáo viên	29 năm 9 tháng	53 tuổi 5 tháng	01/6/2022	Có 02 năm liên tiếp liền kê tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm (NH 2019-2020) được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm (NH 2020-2021) không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
	<i>Trường PTCS Bắc Phong</i>							
6	Huỳnh Trương	30/10/1966	Đại học sư phạm	Giáo viên	33 năm 8 tháng	55 tuổi 6 tháng	01/5/2022	Có 02 năm liên tiếp liền kê tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

	1	2	3	4	5	6	7	8
7	Võ Thị Hạnh	12/10/1970	Cao đẳng tiểu học	Giáo viên (Tổ trưởng)	30 năm 4 tháng	51 tuổi 3 tháng	01/02/2022	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm ( <i>Điều 72 của Luật giáo dục số 43/2019/QH14</i> ) nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ và cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
	<i>Trường THCS Nam Dân</i>							
8	Nguyễn Thị Hồng Vân	10/9/1968	Cao đẳng sư phạm	Giáo viên	29 năm 8 tháng	53 tuổi 8 tháng	01/6/2022	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm ( <i>Điều 72 của Luật giáo dục số 43/2019/QH14</i> ) nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ và cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
	<i>Trường THCS Nguyễn Trãi</i>							
9	Lê Thị Thu Ba	28/4/1968	Đại học sư phạm	Giáo viên	31 năm 02 tháng	53 năm 8 tháng	01/01/2022	Có 02 năm liên tiếp liên kê tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm (NH 2019-2020) được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm (NH 2020-2021) không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
<b>II</b>	<b>KHỐI XÃ</b>							
*	<b>Nghi hưu trước tuổi</b>							
	<i>UBND xã Đức Lân</i>							
10	Tạ Xuân Các	25/10/1966	Đại học	Công chức TC-KT xã	23 năm 01 tháng	55 tuổi 6 tháng	01/5/2022	Có 02 năm liên kê tại thời điểm xét tinh giản biên chế công chức có xếp loại năm 2019 HTNV còn hạn chế, năm 2020 không hoàn thành nhiệm vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
	<i>UBND xã Đức Thắng</i>							

	1	2	3	4	5	6	7	8
11	Huỳnh Văn Chúng	10/9/1964	Trung cấp	Công chức ĐC-XD- NN&MT xã	26 năm 6 tháng	57 tuổi 8 tháng	01/6/2022	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

(Danh sách này có 11 người) /